

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NL
TỈNH THANH HOÁ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 29/2020/HS-ST

Ngày 24 - 11 - 2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NL TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Thanh Tân

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Quách Thị Thiết

Ông Bùi Xuân Thành

- Thư ký phiên toà: Ông Lê Văn Thịnh - Thư ký Toà án, Tòa án nhân dân huyện NL, tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện NL, tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Thuý - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện NL, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 27/2020/TLST-HS ngày 02 tháng 10 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2020/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 11 năm 2020, đối với bị cáo:

Phạm Văn C; sinh ngày 18 tháng 8 năm 1976; tại huyện NL, tỉnh Thanh Hoá; nơi cư trú: Khu phố VH, thị trấn NL, huyện NL, tỉnh Thanh Hoá; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hoá: Không biết chữ; dân tộc: Mường; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Phạm Văn PH; con bà: Phạm Thị PH; có vợ là Phạm Thị D và có 01 con; tiền sự: Không; tiền án: Không; nhân thân: Ngày 29/3/2006 bị Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hoá xử phạt 07 năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy theo Bản án số 78/2006/HSST ngày 29/3/2006, bị can đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 11/5/2011 và các hình phạt bổ sung khác; bị tạm giam từ ngày 26/8/2020 cho đến nay. Có mặt.

- Bị hại: Bà Phạm Thị H; sinh năm: 1960; nơi cư trú: Khu phố VH, thị trấn NL, huyện NL, tỉnh Thanh Hoá. Có mặt.

- Người tham gia tố tụng khác:

+ Người làm chứng:

1. Anh Nguyễn Văn T; sinh năm: 1986; nơi cư trú: Thôn NG, xã TL, huyện TT, tỉnh Thanh Hoá. Vắng mặt.

2. Bà Nguyễn Thị L; sinh năm: 1962; nơi cư trú: Khu phố VH, thị trấn NL,

huyện **NL**, tỉnh Thanh Hoá. Có mặt.

3. Anh Phạm Văn **HG**; sinh năm: 1979; nơi cư trú: Khu phố **VH**, thị trấn **NL**, huyện **NL**, tỉnh Thanh Hoá. Có mặt.

4. Ông Phạm Đình **V**; sinh năm: 1955; nơi cư trú: Khu phố **VH**, thị trấn **NL**, huyện **NL**, tỉnh Thanh Hoá. Có mặt.

5. Ông Phạm Văn **N**; sinh năm: 1968; nơi cư trú: Khu phố **VH**, thị trấn **NL**, huyện **NL**, tỉnh Thanh Hoá. Có mặt.

6. Anh Phạm Văn **T**; sinh năm: 1985; nơi cư trú: Khu phố Cao Xuân, thị trấn **NL**, huyện **NL**, tỉnh Thanh Hoá. Vắng mặt.

7. Anh Phạm Văn **TR**; sinh năm: 1982; nơi cư trú: Khu phố Cao Xuân, thị trấn **NL**, huyện **NL**, tỉnh Thanh Hoá. Vắng mặt.

8. Chị Phạm Thị **TH**; sinh năm: 1990; nơi cư trú: Làng Mống, xã Mỹ Tân, huyện **NL**, tỉnh Thanh Hoá. Vắng mặt.

9. Anh Phạm Văn **TG**; sinh năm: 1985; nơi cư trú: Làng Mống, xã Mỹ Tân, huyện **NL**, tỉnh Thanh Hoá. Có mặt.

10. Ông Phạm Văn **PH**; sinh năm: 1949; nơi cư trú: Khu phố **VH**, thị trấn **NL**, huyện **NL**, tỉnh Thanh Hoá. Vắng mặt.

11. Bà Phạm Thị **PH**; sinh năm: 1948; nơi cư trú: Khu phố **VH**, thị trấn **NL**, huyện **NL**, tỉnh Thanh Hoá. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng từ tháng 11/2019 đến tháng 01/2020, Phạm Văn **C**, trú tại khu phố **VH**, thị trấn **NL**, huyện **NL** đã làm quen và xin số điện thoại của anh Nguyễn Văn **T**, trú tại thôn **NG**, xã **TL**, huyện **TT**, tỉnh Thanh Hoá là người bán hoa quả ở khu vực gần cổng Bệnh viện đa khoa khu vực **NL** với mục đích thuê xe ô tô tải của anh **T** để chở trâu từ huyện **NL** đi sân bay Sao Vàng, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hoá. Ngày 20/01/2020, **C** sử dụng số thuê bao di động là 0389.018.486 gọi điện đến số thuê bao 0397.542.389 của anh **T** để thuê anh **T** chở trâu từ dốc Nán thuộc địa phận khu phố **VH**, thị trấn **NL**, huyện **NL** đi thị trấn Sao Vàng, huyện Thọ Xuân với giá 3.000.000đ, anh **T** đồng ý. **C** chỉ dẫn đường cho anh **T** đến nơi **C** hẹn để chở trâu. Khoảng 22 giờ cùng ngày, anh **T** điều khiển xe ô tô tải BKS: 36C-290.38 đến khu vực đỉnh dốc Nán (trên đường quốc lộ 15A thuộc khu phố **VH**, thị trấn **NL**) để đón **C**. Khi đón được **C** lên ngồi trên ca bin cùng anh **T**, **C** tiếp tục hướng dẫn anh **T** quay đầu xe ô tô và đi theo hướng huyện Lang Chánh đi thị trấn **NL**, huyện **NL** đi khoảng 50 mét thì **C** bảo anh **T** dừng xe. Khi anh **T** dừng xe, tắt máy thì **C** xuống xe đi bộ sang bên kia đường vào đôi luồng, khoảng 02 phút sau **C** dắt theo một con trâu từ đôi luồng đi ra tiến về phía đuôi xe ô tô của anh **T**. Đến phía thùng xe, **C** tự mở cửa thùng xe và đưa trâu lên xe nhưng thùng xe cao trâu không lên được, **C** gọi nhờ anh **T** xuống trợ giúp đưa trâu lên thùng xe. **C** lên thùng xe vòng dây thùng buộc trâu vào thanh sắt xô trong

thùng xe ô tô để kéo nhưng không được. **C** nhảy xuống nhấc hai chân trước của con trâu lên thùng xe rồi cùng anh **T** đẩy đít trâu lên. Khi đang đẩy thì có vợ chồng anh Phạm Văn **TG** và chị Phạm Thị Thủy, trú tại làng Mống, xã Mỹ Tân, huyện **NL** đi xe mô tô hướng huyện **NL** đi huyện Lang Chánh. Khi đi qua vợ chồng anh **TG** dừng lại xem, thấy vậy, **C** không đẩy trâu lên thùng xe nữa mà dắt trâu sang bên kia đường vào phía bụi luồng. Thấy vậy, anh **TG** điều khiển xe mô tô bỏ đi. Khi thấy vợ chồng anh **TG** đi khuất, **C** lại tiếp tục dắt trâu đến thùng xe ô tô của anh **T** để đưa trâu lên.

Về phía vợ chồng anh **TG** khi nhìn thấy hành động bất thường của người dắt trâu (là **C**) nên có đến báo sự việc cho anh Phạm Văn **TR** và anh Phạm Văn **T**, đều trú tại khu phố Cao Xuân, thị trấn **NL** biết. Anh **TR** và anh **T** mỗi người điều khiển một chiếc xe mô tô đến nơi có chiếc xe ô tô tải như anh **TG** nói. Khi anh **T** và anh **TR** gần tới nơi, **C** thấy có đèn xe mô tô nên đã vội dắt trâu qua đường, thả trâu ra và bỏ chạy vào rừng luồng, con trâu cũng bỏ chạy theo. Qua ánh đèn xe mô tô anh **T** và anh **TR** đều nhận ra người dắt trâu đi về phía đồi luồng chính là Phạm Văn **C**. Sau khi **C** bỏ chạy vào đồi luồng anh **T** cùng quần chúng nhân dân xung quanh giữ anh **T** cùng chiếc xe ô tô BKS: 36C-290.38 lại và báo cáo Công an huyện **NL**.

Đối với con trâu khi **C** bỏ chạy cũng bỏ chạy theo vào đồi luồng, mọi người cùng nhau đi tìm kiếm. Quá trình tìm kiếm thì bà Lê Thị **L**, trú tại phố **VH**, thị trấn **NL** tìm thấy trong đồi luồng và dắt ra nhà văn hóa phố **VH** giao nộp cho Công an huyện **NL**.

Tại Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 05/KL-HĐĐG ngày 21/01/2020 của Hội đồng định giá tài sản Ủy ban nhân dân huyện **NL** kết luận: Tài sản định giá là 01 con trâu giống cái, màu lông đen, 05 năm tuổi, có trọng lượng 350kg (cân hơi), tại thời điểm bị trộm cắp có giá trị là 40.250.000đ (Bốn mươi triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng).

Về phía anh **T**, quá trình liên lạc với **C** qua điện thoại, anh **T** đã ghi âm nội dung các cuộc nói chuyện giữa mình và **C**. Anh **T** đã giao nộp lại cho Cơ quan điều tra. Các file ghi âm này đã được Cơ quan điều tra trưng cầu Viện khoa học hình sự Bộ công an giám định. Tại Kết luận giám định số 2644/C09-P6 ngày 04/6/2020 của Viện Khoa học hình sự Bộ công an kết luận:

“+ Không phát hiện thấy dấu hiệu cắt ghép, chỉnh sửa nội dung trong 05 file âm thanh ghi cần giám định;

+ Tiếng nói của người được gọi là “anh” trong mẫu cần giám định và tiếng nói của Phạm Văn **C** trong mẫu so sánh là của cùng một người.

+ Tiếng nói của người được gọi là “chú” trong mẫu cần giám định (**C** 2.amr; **C** 3.amr; **C** 4.amr; **C** 5.amr) và tiếng nói của Nguyễn Văn **T** trong mẫu so sánh là của cùng một người”.

Tại bản cáo trạng số 26/CT-VKSNL ngày 02 tháng 10 năm 2020, Viện kiểm sát nhân dân (sau đây viết tắt là VKSND) huyện **NL**, tỉnh Thanh Hoá đã truy tố Phạm Văn **C** về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự (sau đây viết tắt là BLHS).

Tại phiên toà, đại diện VKSND giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 38 BLHS để xử phạt Phạm Văn **C** mức án từ 30 đến 36 tháng tù, bị cáo được trừ thời gian tạm giam vào thời gian chấp hành hình phạt.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có tài sản nào có giá trị, không có thu nhập ổn định nên đề nghị không áp dụng hình phạt tiền bổ sung đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm nên đề nghị không xem xét.

Về vật chứng: Đã được xử lý trong giai đoạn điều tra nên đề nghị không xem xét.

Trong quá trình điều tra và tranh tụng tại phiên toà, bị cáo không thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Bị cáo trình bày: trong thời gian xảy ra vụ việc bị cáo bị ốm nằm ở nhà, bị cáo không có liên lạc gì với anh Nguyễn Văn **T** để nhờ chở trâu, bị cáo yêu cầu cung cấp hình ảnh bị cáo đang trộm trâu nên bị cáo không chấp nhận bản cáo trạng mà VKS truy tố.

Bị hại bà Phạm Thị **H** trình bày: Khoảng 01 giờ 30 phút, ngày 21/01/2020, bà đang ở nhà thì nghe có người dân báo có bắt được con trâu bị bắt trộm, bà ra chuồng trâu kiểm tra thì phát hiện con trâu cái nhà bà bị mất. Bà chạy ra nhà văn hoá thôn thì xác định đó là con trâu nhà bà bị mất. Bà đã được nhận lại con trâu, không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm.

Người làm chứng anh Nguyễn Văn **T**, bà Nguyễn Thị **L**, anh Phạm Văn **HG**, ông Phạm Đình **V**, ông Phạm Văn **N**, anh Phạm Văn **T**, anh Phạm Văn **TR**, chị Phạm Thị **TH**, anh Phạm Văn **TG** đều thống nhất với nội dung sự việc như cáo trạng đã truy tố bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX) nhận định như sau:

[1] Về trách nhiệm hình sự: Khoảng 22 giờ 30 phút ngày 20/01/2020 tại khu phố Vân Hòa, thị trấn **NL**, huyện **NL**, tỉnh Thanh Hoá, Phạm Văn **C** đã lợi dụng sự sơ hở mất cảnh giác của bà Phạm Thị **H**, đã lén lút trộm cắp 01 con trâu cái, màu lông đen, 05 năm tuổi của bà **H**. Tài sản tại thời điểm bị cáo trộm cắp có giá trị: 40.250.000 đồng (Bốn mươi triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng). Quá trình điều tra và tại phiên toà, bị cáo không thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Bị cáo trình bày trong thời gian xảy ra vụ việc bị cáo bị ốm nằm ở nhà, bị cáo không có liên lạc gì với anh Nguyễn Văn **T** để nhờ chở trâu và yêu cầu cung cấp hình ảnh bị cáo đang trộm trâu. Tuy nhiên căn cứ vào lời khai của người làm chứng, kết quả khám nghiệm hiện **TR**, các kết luận định giá tài sản, giám định của cơ quan **C** môn, biên bản nhận dạng và các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được trong quá trình điều tra có đủ cơ sở xác định người trộm cắp con trâu của bà Phạm Thị **H** là Phạm Văn **C**. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận bị cáo đã có hành vi phạm vào khoản 1 Điều 173 BLHS.

[2] Về tình **T** tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội không có tình **T** tăng nặng; không có tình **T** giảm nhẹ.

[3] Bị cáo có nhân thân xấu. Ngoài ra, bị cáo chưa nhận thức được hành vi phạm tội của mình, không thành khẩn khai báo, ăn năn hối lỗi, không có tình **T** giảm nhẹ. Nên cho bị cáo một mức án tương xứng với tính chất, hành vi phạm tội của bị cáo và cần cách ly khỏi xã hội một thời gian để bị cáo cải tạo trở thành người công dân tốt, có ích cho xã hội, đồng thời răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung. Thời gian bị cáo bị tạm giam sẽ được trừ vào thời gian chấp hành hình phạt.

[4] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có tài sản nào có giá trị, không có thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt tiền bổ sung đối với bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản do bị cáo chiếm đoạt, không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm, nên không xem xét.

[6] Về vật chứng: Quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra đã thu giữ 01 (một) con trâu giống cái, màu lông đen, 05 năm tuổi, nặng 350kg cân hơi, đã trả lại cho bà Phạm Thị **H** là chủ sở hữu hợp pháp là đúng quy định của pháp luật; 01 **PH** bì chứa các file ghi âm ghi giọng nói của Phạm Văn **C** và Nguyễn Văn **T** là dữ liệu điện tử liên quan đến nội dung vụ án được lưu giữ cùng hồ sơ vụ án.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[8] Về phía anh Nguyễn Văn **T**, khi được bị cáo thuê chở trâu, anh **T** không biết đây là con trâu do bị cáo trộm cắp mà có. Nên cơ quan điều tra không xử lý anh **T** là đúng quy định của pháp luật.

[9] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện **NL**, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện **NL**, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự (sau đây viết tắt là BLTTHS). Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; Điều 38 BLHS:

Tuyên bố: Bị cáo Phạm Văn **C** phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt: Phạm Văn **C** 36 (Ba mươi sáu) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giam (ngày 26/8/2020).

Án phí: Áp dụng Điều 136 BLTTHS; khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016: bị cáo Phạm Văn **C** phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo, bị hại. Bị cáo, bị hại có quyền

kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TR hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- CQĐT CA huyện **NL**;
- CQTHAHS CA huyện **NL**;
- Trại tạm giam CA tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện **NL**;
- VKSND tỉnh Thanh Hoá;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thanh Tân

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Quách Thị Thiết

Bùi Xuân Thành

Nguyễn Thanh Tân

